

MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu đề tài

Trên phạm vi toàn cầu, sự phát triển của khoa học và công nghệ cùng với tiến trình toàn cầu hóa nói chung từ những năm 1980 đã góp phần rút ngắn khoảng cách địa lý giữa các vùng, quốc gia và khu vực. Từ đây, sự giao lưu giữa người dân, doanh nghiệp và quan chức của các quốc gia trên thế giới gia tăng ngày càng mạnh mẽ.

Ở Việt Nam, khi Đảng và Nhà nước tiến hành đổi mới, thực hiện đường lối đối ngoại đa phương rộng mở, thúc đẩy hội nhập khu vực và toàn cầu vào năm 1986 đã mở ra một chương mới trong mối quan hệ ngoại giao, thương mại giữa Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Hàn Quốc. Trong bối cảnh đó, chính phủ và các nhà đầu tư Hàn Quốc đã từng bước coi Việt Nam là một thị trường chiến lược, có nhiều tiềm năng và không ngừng mở rộng kinh doanh ở Việt Nam, đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển kinh tế của Việt Nam.¹ Theo số liệu từ Cục Đầu tư Nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), dòng vốn từ Hàn Quốc vào Việt Nam trong những năm qua đã tăng mạnh. Tính đến năm 2019, vốn đăng ký lũy kế từ Hàn Quốc đạt con số 67,7 tỷ USD vượt xa Nhật Bản, Singapore, Đài Loan và Hồng Kông. Ngoài quy mô vốn Hàn Quốc cũng là quốc gia dẫn đầu về số dự án thực hiện là gần 8.500 dự án, gần gấp đôi quốc gia đứng thứ hai là Nhật Bản.² Từ đây, một số lượng lớn nhân sự của các tập đoàn, doanh nghiệp là các kỹ sư, chuyên gia, doanh nhân và gia đình họ sang làm việc, sinh sống và đi du lịch ở Việt Nam.

Có thể nói, một trong những kết quả của tiến trình đổi mới, hội nhập quốc tế của Việt Nam nói chung và mối quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc nói riêng là sự hình thành cộng đồng người Việt Nam ở Hàn Quốc và cộng đồng người Hàn Quốc ở Việt Nam. Các số liệu thống kê gần đây cho thấy số lượng

¹ Ngô Xuân Bình (Chủ biên) (2012), *Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc trong bối cảnh quốc tế mới*, Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, tr 144.

² Bạch Mộc, Thanh Tùng (2020), *Không chỉ đầu tư trực tiếp nhiều, dòng vốn từ NĐT Hàn Quốc vào Việt Nam thông qua M&A cũng đang tăng như vũ bão*, <https://vietnambiz.vn/khong-chi-dau-tu-truc-tiep-nhieu-dong-von-tu-ndt-han-quoc-va-viet-nam-thong-qua-ma-cung-dang-tang-nhu-vu-bao-2020022712372989.htm> (truy cập ngày 28 tháng 3 năm 2020).

người Hàn Quốc ở Việt Nam ngày càng tăng, lên tới khoảng 170.000 người,³ và số lượng người Việt Nam ở Hàn Quốc cũng tăng lên tới 200.000 người, trong đó có khoảng 65.000 gia đình đa văn hóa (chủ yếu là vợ người Việt Nam – chồng người Hàn Quốc).⁴

Tại thủ đô Hà Nội, vào năm 1992 chỉ có 61 người Hàn Quốc sinh sống nhưng sau gần ba thập kỷ con số này đã tăng lên hàng chục ngàn người. Cùng với một số cộng đồng người nước ngoài khác như: cộng đồng người Nhật Bản, cộng đồng người Trung Quốc... cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội là một bộ phận dân cư của thành phố và như luận án này nhấn mạnh được hình thành gắn liền với mối quan hệ giữa Việt Nam - Hàn Quốc và quá trình phát triển đô thị của Hà Nội trong ba thập kỷ qua.

Các hoạt động đầu tư cùng với sự hình thành và phát triển của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội trong bối cảnh đổi mới và toàn cầu hóa đặt ra nhiều vấn đề từ góc độ thực tiễn, chính sách, khoa học cần được nghiên cứu. Tuy nhiên, hiện có quá ít tài liệu nghiên cứu về vấn đề này. Vì thế, một loạt câu hỏi liên quan đến cộng đồng này được đặt ra. Đó là việc người Hàn Quốc đã đến Hà Nội và kiến tạo cộng đồng của họ như thế nào, đời sống kinh tế - xã hội và tinh thần của họ ra sao, quan hệ cộng đồng của họ trong ba chiều cạnh: nội bộ cộng đồng, với cộng đồng người Hàn Quốc ở quê nhà và với cộng đồng dân cư địa phương diễn ra như thế nào vẫn là một khoảng trống còn chưa được giải đáp. Do đó, từ góc nhìn Nhân học, luận án của tôi đi sâu nghiên cứu và lý giải các câu hỏi này một cách có hệ thống.

2. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

Luận án phác họa quá trình hình thành của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội, làm rõ sự mở rộng và dịch chuyển không gian cư trú của cộng đồng này, phân tích các hoạt động sinh kế, mối quan hệ xã hội và đời sống tinh thần của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội trong gần ba thập kỷ qua.

³ Tuy nhiên, Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam công bố cuối năm 2018 số lượng người Hàn Quốc sinh sống ở Việt Nam là 150.000 (Tuổi trẻ (2019), “Người Hàn Quốc đến Việt Nam và cơ hội của ngành dịch vụ tài chính”, <https://tuoitre.vn/nguoi-han-quoc-den-viet-nam-va-co-hoi-cua-nganh-dich-vu-tai-chinh-2019112811220643.htm> (Truy cập ngày 24 tháng 2 năm 2020).).

⁴ Trọng Quỳnh (2020), “Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân tiếp Đại sứ Hàn Quốc Park Noh Wan”, <http://quochoi.vn/tintuc/pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=44075> (Truy cập ngày 24 tháng 2 năm 2020).

Với mục tiêu nghiên cứu nêu trên, luận án đặt ra bốn câu hỏi nghiên cứu chính như sau: (i) Sự hình thành của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội diễn ra trong bối cảnh như thế nào và có sự mở rộng và dịch chuyển không gian cư trú ra sao? (ii) Người Hàn Quốc ở Hà Nội kiến tạo những hoạt động sinh kế nào? (iii) Các mối quan hệ xã hội của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội được xây dựng và duy trì như thế nào? (iv) Đời sống tinh thần của cộng đồng người Hàn Quốc được thể hiện như thế nào thông qua các hoạt động giải trí và tôn giáo?

Trong toàn bộ luận án, tôi lập luận rằng cộng đồng người Hàn Quốc được hình thành và ngày càng phát triển trong gần ba thập kỷ qua. Đây không chỉ là kết quả của mối quan hệ ngày càng thịnh vượng giữa hai quốc gia Việt Nam và Hàn Quốc mà còn là sản phẩm của một quá trình người Hàn Quốc kiến tạo không gian xã hội của chính họ ở Hà Nội.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Trong bối cảnh cộng đồng người Hàn Quốc ở Việt Nam nói chung và Hà Nội ngày càng lớn mạnh, luận án tập trung tìm hiểu quá trình hình thành và phân tích cuộc sống của cộng đồng này trên các phương diện: lịch sử, nhân khẩu, địa bàn cư trú, hoạt động sinh kế, các mối quan hệ xã hội và đời sống tinh thần của cộng đồng này.

Việt Nam và Hàn Quốc đã thiết lập mối quan hệ ngoại giao từ năm 1992 và chứng kiến mối quan hệ song phương phát triển nhanh chóng trên mọi phương diện, lĩnh vực quan trọng như: thương mại, đầu tư, hợp tác kinh tế, giao lưu nhân dân, giao lưu hợp tác văn hóa.⁵ Đặt trong bối cảnh này, luận án của tôi xác định phạm vi thời gian nghiên cứu về cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội là từ năm 1992 tới đến 2020 và phạm vi không gian địa lý là cộng đồng người Hàn Quốc ở thành phố Hà Nội.

4. Phương pháp và địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu *Không gian xã hội của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội* là kết quả nghiên cứu trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2014 đến

⁵ Cao Thế Trình (2012), “베트남 전쟁 (1954 - 1975)의 경험과 1992년부터 한-베트남 우호협력관계”, 한국베트남학회, 제 12 호, pp 97-120.

hiện tại (tháng 11 năm 2020). Với đặc thù của chuyên ngành theo học, tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu điền dã dân tộc học. Bằng cách này, tôi có thể thu thập các thông tin phục vụ cho nghiên cứu của mình. Trong quá trình điền dã, tôi đã tiến hành quan sát tham gia kết hợp với phỏng vấn trực tiếp tại hiện trường. Bên cạnh đó, thông qua mối quan hệ cá nhân tôi cũng chủ động tiến hành phỏng vấn sâu với những nhân vật là người Hàn Quốc có thời gian dài duy trì cuộc sống ở Hà Nội, hoặc là những người có vị thế nhất định trong cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội. Họ được coi là những chuyên gia, có sự am hiểu sâu về chính cộng đồng mà họ đang thuộc về.

Trên địa bàn thành phố Hà Nội, để thấy được sự dịch chuyển không gian cư trú của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội, tôi chọn nghiên cứu điền dã đa điểm để bao quát hết các khu có nhiều người Hàn Quốc cư trú. Quan sát tham gia: Trong quá trình điền dã dân tộc học ở các khu này từ năm 2015 đến tháng 10 năm 2020, tôi sử dụng phương pháp quan sát tham gia để trực tiếp chứng kiến những gì diễn ra ở các khu có nhiều người Hàn Quốc cư trú ở Hà Nội cũng như cuộc sống, các hoạt động mưu sinh, đời sống xã hội và tinh thần của họ.

Khai thác tài liệu thứ cấp: Một nguồn thông tin quan trọng khác của luận án là tài liệu thứ cấp tôi đã thu thập được dưới hình thức các báo cáo, tài liệu truyền thông, các trang mạng, v.v.

Địa bàn nghiên cứu của luận án là thành phố Hà Nội. Với vai trò là thủ đô của Việt Nam, Hà Nội đã có nhiều biến đổi trong hơn 30 năm đổi mới. Trong luận án này, cộng đồng người Hàn Quốc ban đầu chỉ cư trú và làm việc ở một số khu thuộc khu vực đô thị của thành phố, nhưng sau đó đã mở rộng địa bàn cư trú sang nhiều khu khác và gần đây có cả một số khu nằm trong khu vực nông thôn hay ven đô của thành phố.

5. Đóng góp của luận án

Nghiên cứu về cộng đồng người Hàn Quốc Ở Hà Nội trong bối cảnh đương đại có ý nghĩa khoa học thiết thực, đóng góp cả về lý luận và thực tiễn cho việc mở rộng và nâng cao hiểu biết của chúng ta về cộng đồng này ở Hà Nội nhất là trong bối cảnh chưa có một nghiên cứu cơ bản nào về quá trình

kiến tạo không gian của người Hàn Quốc ở thủ đô của Việt Nam. Vì thế, luận án của tôi có thể coi là một công trình nghiên cứu có tính mới không chỉ trong khuôn khổ ngành Nhân học mà còn cả trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn về cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội. Theo đó, luận án góp phần đáng kể vào việc hiểu rõ hơn về bối cảnh, quá trình hình thành cộng đồng và các hoạt động mưu sinh, đời sống xã hội và tinh thần cũng như xác định được một số đặc điểm cơ bản của cộng đồng người Hàn Quốc đang ngày càng phát triển về nhiều mặt ở Hà Nội. Ngoài ra, hai luận điểm chính của luận án là cộng đồng người Hàn Quốc là sản phẩm của mối quan hệ ngày càng thịnh vượng giữa Việt Nam và Hàn Quốc và là sản phẩm của quá trình người Hàn Quốc kiến tạo cộng đồng của họ ở Hà Nội cũng là một đóng góp khoa học nhất định trong phân tích và lý giải về cộng đồng này.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án được cấu trúc thành 5 chương.

Chương 1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Trong chương này của luận án, tôi tập trung phân tích làm rõ (i) tình hình nghiên cứu về cộng đồng người Hàn Quốc trên thế giới và (ii) ở Việt Nam, và (iii) xác định cách tiếp cận kiến tạo không gian làm cơ sở lý thuyết để tìm hiểu, phân tích và lý giải về cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội, một trong những trung tâm đô thị có đông người Hàn Quốc cư trú nhất ở Việt Nam.

1.1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu cộng đồng người Hàn Quốc trên thế giới

Nghiên cứu về cộng đồng người Hàn Quốc ở bên ngoài biên giới quốc gia từ lâu đã nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Những nghiên cứu này chủ yếu tập trung ở mục đích, cách thức và cuộc sống sau khi di cư sang các quốc gia khác của người Hàn Quốc - chính là vấn đề trong quá trình thích nghi với cuộc sống mâu thuẫn nảy sinh giữa những người trong gia đình, trong cộng đồng và với cộng đồng cư dân địa phương. Khi nghiên cứu về cộng đồng người Hàn Quốc ở các quốc gia trên thế giới một nội dung được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đó chính là vị thế của người Hàn Quốc ở các quốc gia mà họ cư trú. Người Hàn Quốc ở quốc gia đó có vị thế như thế nào phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ trong quá khứ và hiện tại của Hàn Quốc với quốc gia đó. Trong phần này người viết đề cập đến tình hình nghiên cứu về cộng đồng người Hàn Quốc trên thế từ đó có thể thấy được sự khác biệt của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội - Việt Nam. Tình hình nghiên cứu về cộng đồng người Hàn Quốc trên thế giới tôi tập trung vào ba quốc gia là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản – là ba nước có số lượng người Hàn Quốc sinh sống nhiều nhất trên thế giới.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu cộng đồng người Hàn Quốc ở Việt Nam

Tìm hiểu về tình hình nghiên cứu cộng đồng người Hàn Quốc ở Việt Nam, tôi xem xét trên hai phương diện. Đó là từ góc nhìn của các nhà nghiên cứu và góc nhìn truyền thông.

Từ góc nhìn của các nhà nghiên cứu

Từ góc nhìn của nhà nghiên cứu tôi nhận thấy cộng đồng người Hàn Quốc ở Việt Nam vẫn là một khoảng trống cần có nhiều hơn những nghiên cứu chuyên sâu. Mặc dù quy mô của cộng đồng này lớn mạnh qua mỗi năm, kể từ năm 1992 đến hiện nay cộng đồng đã phát triển và sinh sống ở rất nhiều nơi trong địa bàn thành phố Hà Nội nhưng do thiếu công cụ tiếp cận là ngôn ngữ - tiếng Hàn Quốc nên chưa có nhiều các nghiên cứu về đề tài này. Điềm lại những nghiên cứu về người Hàn Quốc ở Việt Nam có thể đề cập đến một số nghiên cứu tiêu biểu giai đoạn giữa những năm 2000 của nhà nghiên cứu Nhân học Chae Su Hong, Song Jeong Nam và Nguyễn Phương Lâm, Kim Young Jin. Tuy nhiên trong số những nhà nghiên cứu kể trên chỉ có Chae Su Hong là người có những nghiên cứu trực diện về cộng đồng người Hàn Quốc ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Về phía Việt Nam, có thể kể ra nghiên cứu “Di cư, hội nhập và không gian văn hóa của kiều dân Hàn Quốc ở Việt Nam – nghiên cứu trường hợp phố Hàn ở khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính Hà Nội” của sinh viên Khoa Nhân học năm 2013.

Dưới góc nhìn truyền thông

Trong khi còn khá ít công trình nghiên cứu về cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội thì không thể phủ nhận một thực tế là trong những năm qua truyền thông Hàn Quốc và Việt Nam đã khá quan tâm đến cộng đồng này. Rất nhiều bài báo bằng tiếng Việt và tiếng Hàn đã phản ánh về cộng đồng này dưới nhiều góc độ khác nhau, đây chính là nguồn thông tin phong phú cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích về cộng đồng người Hàn Quốc ở Việt Nam nói chung và ở Hà Nội nói riêng trong bối cảnh chưa nhiều công trình nghiên cứu về nội dung này.

1.2. Cơ sở lý thuyết

Trong phần này tôi sẽ đề cập đến khái niệm “không gian”, “không gian xã hội” để từ đó dẫn dắt vào cách hiểu không gian xã hội của Henri Lefebvre – là lý thuyết xuyên suốt được tôi sử dụng trong luận án này. Tiếp theo đó tôi dẫn dắt cách tiếp cận lý thuyết này cụ thể trong nghiên cứu về cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội.

1.2.1. Một số cách hiểu về “không gian”, “không gian xã hội”

Khái niệm: “Không gian” và “Không gian xã hội”

Tôi đề cập tới các cách hiểu về “không gian”, “không gian xã hội” để từ đó dẫn dắt vào lý thuyết của tác giả Henri Lefebvre - một nhà triết học, xã hội học người Pháp là tác giả công trình có tựa đề *La production de l'espace*⁶ (*The Production of Space*) đã có một cách tiếp cận và định nghĩa không gian xã hội theo một cách độc đáo. Tôi vận dụng cách tiếp cận kiến tạo không gian để nghiên cứu về không gian xã hội của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội.

1.2.2. Henri Lefebvre và lý thuyết Kiến tạo không gian

Henri Lefebvre (1901-1991) là nhà xã hội học và triết gia người Pháp. Trong sự nghiệp khoa học của mình, Lefebvre công bố 66 cuốn sách bằng tiếng Pháp, trong đó có 6 cuốn đã được dịch ra tiếng Anh và *The Production of Space* là một trong số đó. *The Production of Space* có những đóng góp quan trọng về lý thuyết không gian trong đô thị. Lý thuyết của ông được gọi là “Kiến tạo không gian xã hội” (*the social production of space*), phần nào gắn với tên công trình *La production de l'espace* (*The Production of Sapce*). Trong *The Production of Space*, Lefebvre nhấn mạnh rằng không gian (space) là một sản phẩm mang tính xã hội do con người tạo ra (social production) để sống. Hai là về khái niệm trung tâm: không gian và không gian xã hội. Ba là các chiều cạnh của không gian. Trong *The Production of Space*, Lefebvre phân biệt ba chiều của không gian, bao gồm chiều cạnh vật chất (physical space), chiều cạnh tinh thần (mental space), chiều cạnh xã hội (social space).

1.2.3. Cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội dưới góc nhìn của lý thuyết kiến tạo không gian

Tìm hiểu, phân tích và lý giải về cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội dưới lăng kính của lý thuyết Kiến tạo không gian xã hội, chúng ta có thể giả định mấy điểm quan trọng dưới đây.

Thứ nhất, cộng đồng người Hàn Quốc trong lịch sử hình thành và phát triển ở Hà Nội trong khoảng ba thập kỷ qua đã kiến tạo nên không gian xã

⁶ Henri Lefebvre (1974), *la production de l'espace*, Anthropos, Paris.

hội của họ, một không gian mà tôi giả định là không gian xã hội của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội.

Thứ hai, không gian xã hội của người Hàn Quốc có thể được nhận diện một cách hữu hình và thậm chí là vô hình ở ba chiều cạnh hay phương diện: Vật chất, xã hội và tinh thần

Chương 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HÀN QUỐC Ở HÀ NỘI

Trong chương 2, tôi (i) phác họa bối cảnh Đổi mới ở Việt Nam và những kết quả đáng chú ý trong quan hệ ngoại giao và kinh tế giữa Việt Nam - Hàn Quốc, làm rõ (ii) sự hình thành một cộng đồng người Hàn Quốc và (iii) không gian cư trú của họ ở Hà Nội hiện nay và trong gần ba thập kỷ qua.

2.1. Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc

Tìm hiểu về mối quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc, dựa theo những tài liệu nghiên cứu trước đây tôi chia mối quan hệ này thành hai giai đoạn từ trước 1986 và từ 1986 đến hiện tại.

2.1.1. Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc trước 1986

Việt Nam và Hàn Quốc đã có mối quan hệ giao lưu từ lâu trong lịch sử. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Hàn Quốc cũng đưa quân sang chiến trường miền Nam Việt Nam. Trong chiến tranh Việt Nam, Hàn Quốc đã từng đưa 30 vạn quân sang Việt Nam và tham gia cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Tuy nhiên vượt qua sự khó khăn trong quá khứ hai nước đã nỗ lực để xây dựng được một mối quan hệ tốt đẹp mà mở đầu là giai đoạn ngay sau chiến tranh từ năm 1975 cho đến năm 1982, Việt Nam và Hàn Quốc bắt đầu có quan hệ buôn bán tư nhân qua trung gian; từ năm 1983 bắt đầu có quan hệ buôn bán trực tiếp và một số quan hệ phi chính phủ.

2.1.2. Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc từ năm 1986

Năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức công bố các chính sách đổi mới, mở ra một thời kỳ chuyển đổi kinh tế theo định hướng thị trường và thực hiện chiến lược đối ngoại đa phương rộng mở. Trong bối cảnh đó, năm 1992 Việt Nam và Hàn Quốc đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại

giao giữa hai nước. Kể từ đó, Việt Nam và Hàn Quốc ngày càng đẩy mạnh và từng bước nâng cấp quan hệ ngoại giao và kinh tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc theo chiều hướng rất tích cực. Hai nước đã có những thành tựu to lớn trong nhiều lĩnh vực: đầu tư và thương mại, giao lưu văn hóa, giao lưu nhân dân...

2.2. Cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội

Trong phần này tôi đi sâu tìm hiểu về cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội dưới ba góc độ: về nhân khẩu, về thành phần xã hội và không gian cư trú

2.2.1. Nhân khẩu

Một kết quả quan trọng của quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc là các dòng di dân giữa Việt Nam và Hàn Quốc không ngừng tăng, làm hình thành các cộng đồng người Việt Nam ở Hàn Quốc thông qua xuất khẩu lao động, công vụ, kết hôn, v.v. và cộng đồng người Hàn Quốc ở một số đô thị lớn ở Việt Nam. Theo thống kê mới đây nhất về tình hình giao lưu nhân dân giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc thì có khoảng 170 ngàn người Hàn Quốc sinh sống ở Việt Nam.

2.2.2. Thành phần xã hội

Với số lượng nhân khẩu ngày càng tăng⁷ thì một vấn đề đặt ra là thành phần xã hội của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội là gì? Tài liệu nghiên cứu của tôi cho thấy cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội được cấu thành bởi ba nhóm chính: **Nhóm phái cử**, **Nhóm di dân tự do** và **Nhóm du học sinh**. Việc phân chia này dựa vào mục đích cư trú và bản chất công việc mà mỗi nhóm cư dân người Hàn Quốc thực hiện trong thời gian họ ở Hà Nội.

2.2.3. Không gian cư trú

Ở phần trên của chương này tôi đã đặc biệt nhấn mạnh đến hai trong các đặc điểm nổi bật của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội, đó là (i) sự gia tăng số lượng nhân khẩu theo thời gian, (ii) thành phần xã hội của người Hàn Quốc ở Hà Nội và từ đây đặt ra câu hỏi (iii) cộng đồng người Hàn Quốc cư trú ở đâu trên địa bàn thành phố Hà Nội? Ở phần này tôi sẽ làm đi sâu tìm

⁷ Quỹ kiều bào Hàn Quốc ở nước ngoài ước tính có thể lên tới 80.000 người vào năm 2020, nhưng có lẽ đây chỉ là dự báo dựa trên sự phát triển quan hệ ngoại giao và kinh tế giữa hai quốc gia trong khi các số liệu thành phố Hà Nội công bố tháng 2 năm 2020 là 22.000 người.

hiểu để làm rõ sự dịch chuyển không gian cư trú của cộng đồng này từ thời điểm những năm đầu tiên sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao cho tới hiện tại. Đồng thời cũng làm sáng tỏ những yếu tố tác động đến sự dịch chuyển không gian sống của cộng đồng này.

CHƯƠNG 3. HOẠT ĐỘNG SINH KẾ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HÀN QUỐC Ở HÀ NỘI

Với quan niệm 'sinh kế' là các các hoạt động mưu sinh, trong chương này, tôi tập trung (i) phân tích các hoạt động sinh kế của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội theo ba nhóm chính, đó là Nhóm phái cử, Nhóm di dân tự do, và Nhóm du học sinh, qua đó (ii) cho thấy các hoạt động sinh kế của mỗi nhóm được kiến tạo như thế nào và kết quả ra sao bởi chính chủ thể các nhóm trong cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội.

3.1. Hoạt động sinh kế của Nhóm phái cử

3.1.1. Các lĩnh vực công tác

Chương 2 của luận án đã xác định *Nhóm phái cử* là một bộ phận quan trọng của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội dù có số lượng nhân khẩu ít hơn so với nhóm di dân tự do. Nhóm này có đặc điểm nổi bật là họ gắn với các cơ quan của chính phủ Hàn Quốc, các tập đoàn và công ty lớn, do vậy họ là đội ngũ nhân sự cấp cao, có thu nhập tốt và được hưởng nhiều ưu đãi khi sang làm việc ở Hà Nội. Có thể nói, cùng với sự phát triển của mối quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc, sự hiện diện của nhóm này cũng tăng lên cả về số lượng và nhiệm vụ công việc. Nhóm phái cử gồm hai bộ phận chính bao gồm cán bộ, nhân viên thuộc các cơ quan chính phủ, và cán bộ, nhân viên của các tập đoàn, công ty lớn.

3.2. Hoạt động sinh kế của Nhóm di dân tự do

3.2.1. Các lĩnh vực kinh doanh

Ngoài Nhóm phái cử thì cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội còn có một nhóm thứ hai, đó là những người di dân tự do. Nhóm di dân tự do sang Hà Nội có những hoạt động kinh doanh mà đối tượng không chỉ là người Việt Nam mà còn là chính cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội trong đó có

Nhóm phái cử. Bởi lẽ, khi số lượng người Hàn quốc ở Hà Nội tăng lên đồng nghĩa với sự gia tăng nhân khẩu của Nhóm phái cử, thì nhu cầu cuộc sống của họ cũng gia tăng. Thực tế này cho thấy mối liên hệ giữa Nhóm phái cử và Nhóm di dân tự do trong cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội.

3.3. Hoạt động sinh kế của Nhóm du học sinh

Mục tiêu chính của nhóm du học sinh trong thời gian ở Hà Nội trước hết là học tập, nâng cao kiến thức và kỹ năng, sau đó mới đến việc làm và thu nhập.

Ba nhóm cư dân trong cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội rõ ràng đã và đang thực hành các hoạt động sinh kế với các chiến lược và kết quả sinh kế khác nhau khá rõ rệt. Nhóm phái cử là những nhân sự cao cấp trong đội ngũ lao động nói chung và trong cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội nói riêng. Trong khi đó, Nhóm di dân tự do có số lượng nhân khẩu đông nhất trong cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội. Dù họ có sự tự do đáng kể trong cuộc sống và có các chiến lược sinh kế khá đa dạng, khai thác tốt công nghệ số và Internet, thì kết quả sinh kế của họ vẫn có những bấp bênh nhất định. Nhóm thứ ba là những du học sinh có số lượng nhân khẩu ít nhất và không đặt mục tiêu mưu sinh trước mắt lên hàng đầu, song rõ ràng họ cũng đã đóng góp một phần nhỏ làm cho bức tranh sinh kế của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội thêm đa dạng, nhiều màu sắc.

CHƯƠNG 4. QUAN HỆ XÃ HỘI CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HÀN QUỐC Ở HÀ NỘI

Chương này của luận án xem xét các mối quan hệ xã hội/mạng lưới xã hội của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội trên ba góc độ (i) mối quan hệ bên trong cộng đồng, (ii) mối quan hệ với cộng đồng địa phương, và (iii) mối quan hệ với quê hương.

4.1. Quan hệ trong cộng đồng

4.1.1. Quan hệ gia đình

Như đã phân nào đề cập trong các chương trước, trong cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội chỉ có một bộ phận nhỏ mang theo gia đình sang cư trú ở

Hà Nội. Trong đó, Nhóm phái cử thường mang gia đình sang Hà Nội cùng cư trú nhiều hơn. Ngoài ra, một bộ phận của Nhóm di dân tự do cũng cư trú cùng gia đình ở Hà Nội, và một số ít Nhóm du học sinh cũng lập gia đình và cư trú ở Hà Nội. Điểm nổi bật trong các gia đình của người Hàn Quốc ở Hà Nội là gia đình hạt nhân, chỉ gồm cha mẹ, con cái và số lượng con cái của các gia đình thường chỉ dừng lại ở một hoặc hai con.

4.1.2. Quan hệ qua không gian mạng xã hội

Như tôi đã đề cập ở chương ba, trong các hoạt động kinh doanh của người Hàn Quốc ở Hà Nội thì công nghệ số và Internet đóng một vai trò quan trọng. Ở phần này, tôi muốn nhấn mạnh thêm về các “nhóm chat” để làm rõ hơn quan hệ xã hội theo “nhóm chat” trong cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội. Một số nghiên cứu đã cho thấy mạng xã hội là một phần quan trọng trong các tương tác xã hội của con người.⁸ Đối với người Hàn Quốc thì sự phát triển công nghệ của Hàn Quốc làm cho công nghệ số càng trở nên quan trọng trong đời sống và quan hệ xã hội của họ ở cả trong nước và nước ngoài. Sự phát triển của công nghệ thông tin đã làm thay đổi phương thức giao tiếp, tần suất tương tác giữa các cá nhân trong xã hội.

4.1.3. Quan hệ theo hội

Một mối quan hệ quan trọng khác là quan hệ theo hội. Trong cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội đang tồn tại rất nhiều các nhóm, hội theo nghề nghiệp, quê hương, sở thích...có thể kể ra như: hệ nghiệp, quê hương, tuổi, v.v. Ngoài ra những người Hàn Quốc ở Hà Nội có thể theo dõi các hoạt động của Hội người Hàn Quốc ở Hà Nội là một tổ chức do các cá nhân lập ra và vận hành theo nguyên tắc riêng của Hội có trụ sở ở tòa nhà Charmvit nằm trên đường Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy. Do tính chất, quy mô và lịch sử thành lập lâu đời cũng như phương hướng hoạt động trong tương lai nên ở phần tiếp theo tôi sẽ tách riêng Hội này với những hội phi quan phương khác để có cái nhìn cụ thể tương ứng với quy mô của Hội.

4.2. Quan hệ ngoài cộng đồng

⁸ Nguyễn Thị Phương Châm “Mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc”, 2013, NXB Khoa học xã hội.

Cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội không thể tách biệt hoàn toàn với cộng đồng cư dân địa phương và chính quyền nước sở tại. Vì thế, nội dung quan trọng của phần này là xem xét mối quan hệ của cộng đồng người Hàn Quốc với cộng đồng cư dân địa phương Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung.

4.3. Quan hệ với quê hương

Cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội không hoàn toàn cắt đứt quan hệ với quê hương mà thay vào đó họ duy trì nhiều mối quan hệ với quê hương Hàn Quốc cả trong cuộc sống hằng ngày và công việc.

Xét ở góc độ quan hệ gia đình, họ hàng và bạn bè, những người Hàn Quốc khi sang sinh sống và làm việc ở Hà Nội đều có chung một nhận thức rõ ràng là họ không xác định sinh sống cả đời ở Hà Nội. Do đó, các lý do công việc và sinh kế chính là những gì thúc đẩy họ sang Hà Nội và cuộc sống ở quê hương Hàn Quốc với một chế độ phúc lợi tốt đảm bảo cuộc sống và an sinh xã hội cho người già ở Hàn Quốc và nhiều nhân tố khác cuốn hút họ trở về quê hương.

Chương 5. ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HÀN QUỐC Ở HÀ NỘI

Một trong ba chiều cạnh trong không gian xã hội của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội được tập trung phân tích trong luận án này là đời sống tinh thần. Ở chương này, tôi đề cập đến vấn đề này ở hai góc độ chính, đó là (i) hoạt động giải trí, và (ii) hoạt động tôn giáo của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội bằng cách làm rõ xem các hoạt động giải trí và sinh hoạt tôn giáo của cộng đồng người Hàn Quốc được kiến tạo như thế nào.

5.1. Các hoạt động giải trí

5.1.1. Nhóm phái cử

Ngoài thời gian dành cho công việc, hoạt động giải trí trong thời gian nghỉ ngơi là một phần quan trọng đối với nhiều lao động người Hàn Quốc. Người Hàn Quốc nổi tiếng với đức tính cần cù, chăm chỉ, tận tụy, và nhiệt huyết với công việc.

5.1.2. Nhóm di dân tự do

Các phân tích ở chương 3 cho thấy Nhóm di dân tự do người Hàn Quốc ở Hà Nội gắn kết với nhiều hoạt động sinh kế tự do trong khá nhiều lĩnh vực khác nhau dưới hình thức công ty tư nhân, cửa hàng, nhà hàng phục vụ tầng lớp trung lưu và khá giả trong cộng đồng cư dân địa phương và cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội.

Đặc điểm chung của Nhóm di dân tự do này là họ tham gia các hoạt động kinh doanh tự do nên sự phân định rạch ròi giữa giờ làm việc và giờ nghỉ không rõ như Nhóm phái cử. Vì thế, tính chất của các hoạt động giải trí ở nhóm này cũng có nét riêng. Hoạt động giải trí của nhóm này bị bó buộc theo khung giờ cố định, thường là vào buổi đêm, và thường gắn với việc sử dụng các chất kích thích như rượu, bia và các dịch vụ mang tính dục.

5.1.3. Nhóm du học sinh

So với hai nhóm khác thì Nhóm du học sinh người Hàn Quốc ở Hà Nội có các hình thức giải trí khá khác biệt. Với số lượng ít, lại có các mục đích và lịch học tập cố định, thường là ở độ tuổi thanh niên, các nam du học sinh thường gặp gỡ bạn bè ở các phòng game, tham gia các hoạt động thể dục thể thao. Một số nữ du học sinh người Hàn Quốc gặp gỡ bạn bè ở các quán cà phê, v.v.

Vì lý do chưa có sự chủ động về kinh tế cùng với mục đích chính là sang học tập nên các hoạt động giải trí của nhóm du học sinh tương đối hạn chế. Thông thường, để tiết kiệm chi phí các du học sinh thường thuê chung các căn hộ chung cư có hai đến ba phòng ngủ.

5.2. Hoạt động tôn giáo

Đời sống tinh thần của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội bao gồm trong đó những hoạt động vui chơi, giải trí và các hoạt động tôn giáo. Chương này của luận án cho thấy các hoạt động giải trí của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội có sự phân hóa khá rõ theo ba thành phần xã hội của cộng đồng. Trong khi nhóm phái cử tham gia nhiều hoạt động giải trí cao cấp, nhất là chơi golf, v.v. thì một bộ phận nam giới trong nhóm di dân tự do gắn

kết với các sinh hoạt giải trí có tính dục khá phổ biến, và nhóm du học sinh thường có những sinh hoạt giải trí lành mạnh hợp với địa vị xã hội của họ.

KẾT LUẬN

Luận án đã làm rõ quá trình hình thành và sự phát triển của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam và mối quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc từ năm 1992. Trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển, từ những ngày đầu tiên khi số lượng nhân khẩu của cộng đồng này mới chỉ là 61 người thuộc nhóm phái cử thì ở thời điểm năm 2020 cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội đã phát triển, trở thành một cộng đồng lớn mạnh về quy mô nhân khẩu và có những dấu ấn, tác động đáng kể đối với cộng đồng cư dân địa phương.

Là một trong những cộng đồng người nước ngoài có dân số lớn nhất ở Hà Nội hiện nay, cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội có một số đặc điểm đáng chú ý. Về nhân khẩu, số lượng nhân khẩu của cộng đồng có sự biến động lớn theo chiều hướng gia tăng trong ba thập kỷ qua. Cộng đồng này được hình thành từ ba nhóm chính là: nhóm phái cử, nhóm di dân tự do và nhóm du học sinh. Về không gian cư trú, cùng với sự lớn mạnh về quy mô, người Hàn Quốc ở Hà Nội có xu hướng mở rộng, xác lập các khu cư trú mới vượt ra khỏi các khu cư trú ban đầu. Như vậy, không gian cư trú của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội được mở rộng, từ chỗ ở các khu khách sạn Daewoo, Ngọc Khánh, Nguyễn Chí Thanh, Hoàn Kiếm trong những năm 1990 lan tỏa ra các khu đô thị Ecopark, Vinhomes riverside, Splendora trong những năm vừa qua.

Về hoạt động sinh kế, ba nhóm cư dân của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội đã và đang duy trì các hoạt động sinh kế riêng biệt theo từng nhóm nhưng lại có sự tương hỗ, phụ thuộc lẫn nhau đặc biệt là giữa nhóm phái cử và nhóm kinh doanh tự do. Nhóm phái cử với tính chất công việc ổn định, mức đãi ngộ cao nên có xu hướng đưa gia đình sang sinh sống và sử dụng các dịch vụ tiện ích do nhóm di dân tự do cung cấp.

Về quan hệ xã hội, là một cộng đồng đồng nhưng lại có sự gắn kết khá chặt chẽ thể hiện rõ ở ba chiều cạnh quan trọng trong quan hệ xã hội của cộng đồng, đó là các mối quan hệ trong nội bộ cộng đồng, các mối quan hệ với cộng đồng cư dân địa phương và mối quan hệ với người Hàn Quốc ở quê hương. Trong quá trình duy trì cuộc sống ở Hà Nội, các nhóm người Hàn Quốc đã cho thấy những mối quan hệ xã hội đa chiều giữa những người Hàn Quốc trong cộng đồng với nhau, mối quan hệ với cộng đồng cư dân địa phương và mối quan hệ với quê hương đất nước. Mối quan hệ trong gia đình, mối quan hệ ngoài xã hội, mối quan hệ theo hội và mối quan hệ theo nhóm chat. Việc quan sát và phân tích các mối quan hệ đa dạng với nhiều hình thức khác nhau cho thấy một cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội với đủ các phương diện như một xã hội Hàn Quốc thu nhỏ: có cả sự giúp đỡ tương trợ nhau, có cả những mâu thuẫn nảy sinh. Và dù có sống ở một quốc gia khác nhưng mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, mối quan hệ với họ hàng, người thân hay những sự kiện ở quê hương vẫn được người Hàn Quốc dành một mối quan tâm đặc biệt. Trong quan hệ với cộng đồng cư dân địa phương, cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội đã có ý thức và thực hiện nhiều hoạt động để tăng cường những mối quan hệ thân thiện, gắn kết với văn hóa và xã hội người Việt Nam nói chung và thủ đô Hà Nội nói riêng. Tất cả các mối quan hệ này cho thấy cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội vừa có sự kết nối tốt trong nội bộ cộng đồng vừa hòa nhập tích cực với xã hội của người Việt Nam ở địa bàn cư trú, đồng thời không làm mất đi sự liên hệ, gắn kết với quê hương. Trong mối quan hệ với cư dân địa phương, cộng đồng người Hàn Quốc từng bước có sự thay đổi trong nhận thức về người Việt Nam. Nhiều người Hàn Quốc coi người Việt Nam là đối tượng khách hàng lâu dài ổn định. Thể hiện rõ nhất là nhóm di dân tự do đã chủ động có sự thay đổi chiến lược kinh doanh (hàng hóa, cách ứng xử, ...) để phù hợp hơn với cộng đồng cư dân địa phương thay vì chỉ nhằm phục vụ cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội. Trong tương lai, chiến lược kinh doanh nhắm đến cộng đồng cư dân địa phương ở Hà Nội sẽ tiếp tục thúc đẩy các hoạt động sinh kế của nhóm di dân tự do trong cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội.

Về đời sống tinh thần, cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội cho thấy rõ những hoạt động vui chơi, giải trí và các hoạt động thực hành tôn giáo mang nét riêng so với cộng đồng cư dân địa phương. Người Hàn Quốc có niềm tin khá vững chắc đối với tôn giáo của họ. Khi sống ở Việt Nam, niềm tin tôn giáo của họ không bị mất đi mà thậm chí còn được quan tâm nhiều hơn. Chính vì thế, sự lớn mạnh của cộng đồng này đồng thời cũng cho thấy có sự xuất hiện của rất nhiều cơ sở để thực hành tôn giáo trên địa bàn thành phố. Số lượng tín đồ là người Hàn Quốc cũng tăng dần cùng với sự gia tăng của thành viên cộng đồng. Bên cạnh đó, hoạt động giải trí của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội cho thấy sự phân hóa khá rõ theo ba thành phần xã hội của cộng đồng. Trong khi nhóm phái cử tham gia nhiều hoạt động giải trí cao cấp, nhất là chơi golf, v.v. thì một bộ phận nam giới trong nhóm di dân tự do gắn kết với các sinh hoạt giải trí có dịch vụ tính dục khá phổ biến, và nhóm du học sinh thường có những sinh hoạt giải trí lành mạnh phù hợp với địa vị xã hội của họ. Các hoạt động tôn giáo của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội dường như không bị chi phối bởi địa vị xã hội, nên sự khác biệt giữa ba nhóm xã hội là không rõ ràng, mà thay vào đó là sự khác biệt giữa các tín đồ của các tôn giáo khác nhau như đã nhấn mạnh trong luận án này.

Có thể nói, toàn bộ luận án này nhấn mạnh cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội là sản phẩm của chính sách và kiến tạo. Sản phẩm của chính sách nghĩa là cộng đồng này nên được nhìn nhận là kết quả của mối quan hệ thịnh vượng giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam và trong bối cảnh Hàn Quốc cũng có những điều chỉnh chiến lược để xác định Việt Nam là đối tác đầu tư chiến lược. Sản phẩm kiến tạo thể hiện rõ nhất ở chỗ người Hàn Quốc, từ quan chức cho đến các doanh nghiệp và người dân đã đóng vai trò chủ động và tích cực trong việc tạo ra một cộng đồng của họ ở Hà Nội. Thông qua quá trình kiến tạo này, chúng ta cũng có thể thấy khả năng và sự thích ứng thành công của cộng đồng người Hàn Quốc đối với văn hóa và môi trường sống địa phương ở Hà Nội. Vừa tận dụng được những lợi thế chuyên dịch của chính phủ Hàn Quốc, vừa khai thác được những ưu tiên của chính phủ Việt Nam, trên cơ sở sự tương đồng nhất

định giữa hai nền văn hóa, cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội đã thích ứng tốt với văn hóa địa phương và đây sẽ là cơ sở vững chắc để cộng đồng người Hàn Quốc tiếp tục tồn tại và phát triển trong một môi trường sống như Hà Nội hiện nay và trong tương lai.